TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/LĐ-PT
Ngày 18/02/2020
V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tấn;

Ông Nguyễn Công Lực.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 17/2019/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc *"tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐXXPT-LĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường CD, khu phố TP, phường TB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH BX; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Háu S M, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 10/4/2019); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng Cáo TV; địa chỉ: Đường VTS, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH BX; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Thanh H (sau đây gọi tắt là ông H) trình bày:* Ông H vào làm việc tại Công ty TNHH BX (sau đây gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng lao động số 83/05BX ngày 02/5/2018, công việc của ông H là tài xế, thời hạn hợp đồng là 01 năm (từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/5/2019); mức lương thực lãnh là 7.500.000 đồng/tháng. Quá trình làm việc, ông H không vi phạm nội quy, quy định gì của Công ty.

Ngày 26/12/2018, ông H nhận được thông báo của Công ty về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 25/01/2019, ông có ký nhận vào Thông báo nhưng không đồng ý với lý do Công ty đưa ra để chấm dứt dứt hợp đồng với ông H, vì: Công ty chỉ có một tài xế có ký hợp đồng lao động là ông H và thực tế Công ty vẫn còn thuê xe dịch vụ bên ngoài của Công ty Thương mại Dịch vụ Quảng Cáo TV sử dụng; chiếc xe Công ty thuê cho ông lái là xe bán tải biển số 51D-235.11.

Từ ngày 26/12/2018 đến ngày 25/01/2019, ông H vẫn vào Công ty làm việc nhưng Công ty chỉ giao chạy 01 đến 02 chuyến. Ông H vẫn có mặt ở Công ty sẵn sàng nhận công việc, tuy nhiên Công ty không giao việc cho ông H mà kêu người khác làm. Ông H có gặp quản lý nhưng do quản lý là người Trung Quốc, nên kêu ông H qua gặp bà Háu S M nhưng không được giải quyết. Công ty thuê xe biển số 51D-235.11 và thuê tài xế khác chạy cho đến khoảng tháng 04 năm 2019 thì ngưng. Ông H đã nhận được tiền lương tháng 12 năm 2018 và tiền lương tính đến ngày 25/01/2019. Ngoài ra, ông H không được nhận khoản tiền gì khác.

Nhận thấy, việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải bồi thường cho ông H các khoản gồm:

+ Tiền lương những ngày không được làm việc là 03 tháng x 7.500.000 đồng/tháng = 23.000.000 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương là: 15.000.000 đồng.

+ Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc là 03 tháng x 10.5% x 7.500.000 đồng/tháng = 2.362.000 đồng;

+ Yêu cầu Công ty phải chốt và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông H.

Tổng cộng Công ty phải thanh toán cho ông H số tiền 40.362.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H xác định: Đầu tháng 05 năm 2019, Công ty đã trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông H nên ông H rút yêu cầu buộc Công ty trả lại sổ bảo hiểm xã hội; đồng thời rút yêu cầu buộc Công ty thanh toán các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc là 2.362.000 đồng. Ông H chỉ yêu cầu Công ty bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 26/01/2019 đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 02/5/2019) là 03 tháng 08 ngày với số tiền 24.500.000 đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương là 15.000.000 đồng. Tổng cộng Công ty phải bồi thường số tiền 39.500.000 đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH BX do bà Háu S M làm đại diện trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông H về việc ký kết Hợp đồng lao động số 83/05BX ngày 02/5/2018, thời hạn hợp đồng, công việc của ông H tại Công ty và xác định ngoài ông H ra thì Công ty không thuê tài xế nào khác. Công ty cho rằng: Công ty có thuê 01 xe bán tải biển số 51D-235.11 của Công ty TNHH TM DV Quảng Cáo TV và thuê ông H chạy. Đến ngày 05/12/2018, Công ty ký Hợp đồng mua bán xe số NTC18.12.15 với

Công ty TNHH Ô Tô Nam Thái Bình Dương về việc Công ty mua 01 xe Colorado 2.5LX2 MT MY19, thời gian giao xe dự tính thực hiện vào tháng 12/2018.

Sau khi mua xe nên không còn nhu cầu thuê xe nữa, ngày 26/12/2018 Công ty ra Thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Thông báo này giao trực tiếp cho ông H vào ngày 26/12/2019; thời hạn báo trước tính từ ngày 26/12/2018 đến ngày 25/01/2019. Sau khi nhận Thông báo, từ ngày 26/12/2018 đến ngày 25/01/2019, ông H đến Công ty làm việc nhưng do không có nhu cầu nên Công ty chỉ giao ông H chạy 01 chuyến. Từ sau ngày 25/01/2019 cho đến nay, ông H không vào Công ty làm việc. Ngoài việc ra Thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày 26/12/2018, Công ty có ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H để bổ sung vào hồ sơ chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông H. Quyết định này không giao cho ông H. Công ty đã chi trả cho ông H tiền lương đến ngày 25/01/2019 và đã trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông H. Hiện tại Công ty sử dụng xe của Công ty mua và đã chấm dứt hợp đồng thuê xe với Công ty TNHH TM DV Quảng Cáo TV.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty xác định mức lương thực tế thanh toán cho ông H là 7.500.000 đồng/tháng; việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là đúng theo quy định của pháp luật vì đã thông báo trước cho ông H biết 30 ngày. Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với ý kiến của Công ty TNHH TM DV TV, Công ty có ý kiến như sau: Công ty vẫn thuê xe bán tải biển số 51D-235.11 của Công ty TNHH TM DV Quảng Cáo TV cho đến hết tháng 02 năm 2019. Lý do Công ty vẫn thuê xe là do Công ty thanh toán tiền trễ cho Công ty TNHH Ô Tô Nam Thái Bình Dương. Do vậy, Công ty Nam Thái Bình Dương (bên bán xe) không giao xe cho Công ty ngay, mà đến ngày 05/4/2019 mới bàn giao xe. Chứng cứ thể hiện là bản kê ngân hàng thể hiện việc Công ty chuyển tiền trễ cho bên bán xe; Hợp đồng mua bán xe số NTC18.12.15 ngày 05/12/2018 giữa Công ty TNHH BX với Công ty TNHH Ô Tô Nam Thái Bình Dương về việc mua 01 xe Colorado 2.5LX2 MT MY19, nhưng đến tháng 4 năm 2019 thì Công ty mới được nhận xe. Do đó, trong thời gian chưa nhận xe Công ty vẫn tiếp tục thuê xe của Công ty TNHH TM DV TV. Việc ký hợp đồng mua xe là từ tháng 12 năm 2018 nên Công ty không còn nhu cầu thuê xe từ tháng 12 năm 2018. Do vậy, ngày 26/12/2018 Công ty ra Thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Việc cho ông H thôi việc là do Công ty không có nhu cầu thuê tài xế, do Công ty đã tự mua xe, chứ không phải lý do thay đổi nhân sự và Công ty cũng không thuê người khác lái xe.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng Cáo TV trình bày:* Công ty TNHH BX có ký hợp đồng dịch vụ thuê xe của Công ty chúng tôi từ ngày 20/12/2018 đến ngày 20/9/2018, ông Bùi Thanh H là người được Công ty TNHH BX cho phép sử dụng trực tiếp xe ô tô do chúng tôi cung cấp để đưa đón khách (hoặc chở hàng)... Đến tháng 01 năm 2019, Công ty TNHH BX thông báo có sự thay đổi về mặt nhân sự, không cho ông H sử dụng xe này mà chuyển sang cho người khác lái. Từ đó đến nay, Công ty TNHH BX vẫn tiếp tục hợp đồng dịch vụ mà hai bên đã ký kết trước đó. Cụ thể, Công ty TV vẫn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đến hết tháng 02 năm 2019 và Công ty TNHH BX vẫn thanh toán tiền đầy đủ.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương đã căn cứ các Điều 32, 35, 39, 91, 147, khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22, điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H với bị đơn Công ty TNHH BX về việc *"tranh chấp tiền bảo hiểm y tế, tiền bảo hiểm xã hội"*.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H đối với bị đơn Công ty TNHH BX về việc *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH BX có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Bùi Thanh H số tiền 39.500.000 đồng (trong đó: 24.500.000 đồng là tiền lương những ngày không được làm việc; 15.000.000 đồng là tiền bồi thường 02 tháng lương).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí lao động sơ thẩm mà Công ty TNHH BX phải nộp và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 08/10/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông C Chang He có đơn kháng cáo với lí do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã BC và mức bồi thường mà bản án đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình; hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, nhận thấy: Việc Công ty ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái với quy định tại Điều 38 của Bộ luật Lao động, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H đối với bị đơn Công ty, buộc Công ty phải bồi thường cho ông H các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 39.500.000 đồng (trong đó: 24.500.000 đồng là tiền lương những ngày không được làm việc và bồi thường 02 tháng lương là 15.000.000 đồng) là có căn cứ. Đối với yêu cầu khởi kiện ông H đã rút, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H với bị đơn Công ty TNHH BX về việc *"Tranh chấp tiền bảo hiểm y tế, tiền bảo hiểm xã hội"* là chưa rõ ràng, gây hiểu lầm là đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Bị đơn Công ty kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không

có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty được làm trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[2] Đây là vụ án lao động về việc *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hai bên đương sự đều thống nhất xác định: Ông H vào làm việc tại Công ty TNHH BX (sau đây gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng lao động số 83/05BX ngày 02/5/2018; thời hạn hợp đồng là 01 năm (từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/5/2019); công việc là tài xế. Quá trình làm việc tại Công ty, ông H không vi phạm nội quy, quy định của Công ty. Ngày 26/12/2018, Công ty ra thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 25/01/2019 với lí do *"do nhu cầu sản xuất Công ty tình hình sử dụng xe doanh nghiệp không còn thuê xe dịch vụ bên ngoài nên tài xế Công ty không sử dụng nữa"* (bút lục 05) và giao cho ông H ký nhận. Từ ngày 26/12/2018 đến ngày 25/01/2019, ông H vẫn vào Công ty làm việc. Từ ngày 26/01/2019 trở đi, ông H không đến Công ty làm việc. Ông H cho rằng Công ty đơn chấm dứt hợp đồng lao động với ông H không đúng quy định pháp luật, vì Công ty vẫn còn tiếp tục hợp đồng thuê xe của Công ty TNHH TM DV Quảng Cáo TV để sử dụng nên khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường cho ông H các khoản gồm: Tiền lương thực lãnh của những ngày không được làm việc (kể từ ngày 26/01/2019 cho đến ngày 02/5/2019) là 03 tháng 08 ngày x 7.500.000 đồng/tháng = 24.500.000 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương là 15.000.000 đồng; trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc là 03 tháng x 10.5% x 7.500.000 đồng/tháng = 2.362.000 đồng; đồng thời, Công ty phải chốt và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông H. Công ty cho rằng do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H đúng quy định vì đã thông báo cho ông H biết trước 30 ngày nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện mà ông H đưa ra.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty thừa nhận: Mức lương thực lãnh của ông Bùi Thanh H là 7.500.000 đồng/tháng (bút lục 69, 70) nên theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty đối với quyết định của bản án sơ thẩm, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty đã chốt Sổ bảo hiểm xã hội để giao trả cho ông Bùi Thanh H theo quy định. Do đó, ngày 09/9/2019 ông H có *"Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện"* đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc số tiền 2.326.000 đồng và yêu cầu buộc Công ty trả lại Sổ bảo hiểm xã hội cho ông H

(bút lục 67). Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút mà đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H với bị đơn Công ty TNHH BX về việc *"tranh chấp tiền bảo hiểm y tế, tiền bảo hiểm xã hội"* là trái với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty để sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty về phần bồi thường, nhận thấy: Việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Bùi Thanh H vì lý do: *"Do nhu cầu sản xuất Công ty tình hình sử dụng xe doanh nghiệp không còn thuê xe dịch vụ bên ngoài nên tài xế Công ty không sử dụng nữa"* (bút lục 05) là không thuộc một trong bốn trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động thì Công ty bị xem là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Thanh H tiền lương những ngày không được làm việc (kể từ ngày 26/01/2019 cho đến ngày 02/5/2019) là 03 tháng 08 ngày x 7.500.000 đồng/tháng (theo mức lương thực lãnh như đã nêu tại mục [4]) với số tiền 24.500.000 đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương là 15.000.000 đồng; tổng cộng Công ty phải bồi thường cho ông H số tiền 39.500.000 đồng có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động. Công ty kháng cáo không đồng ý với mức bồi thường nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên kháng cáo của Công ty về phần này không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH BX, sửa một phần quyết định của Bản án lao động sơ thẩm số 03/2019/LĐ-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương như đã nhận định tại mục [5]; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Về án phí lao động phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH BX không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH BX. Sửa một phần Bản án số 03/2019/LĐ-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ căn cứ các Điều 32, 35, 39, 91, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22, điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"*.

1. 1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H với bị đơn Công ty TNHH BX về việc yêu cầu Công ty phải trả tiền hiểm y tế, tiền bảo hiểm xã hội và trả lại Sổ bảo hiểm xã hội.

1. 2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H đối với bị đơn Công ty TNHH BX về việc *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH BX có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Bùi Thanh H số tiền 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: 24.500.000 đồng là tiền lương những ngày không được làm việc; 15.000.000 đồng là tiền bồi thường 02 tháng lương.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1. 3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH BX phải nộp số tiền án phí 1.975.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH BX không phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH BX số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0042125 ngày 11/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã BC;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đắc Cường
(Đã ký)